TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1075/**2018/QĐST-HNGĐ	*T , ngày 28 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 763/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thuỳ L , sinh năm 1975;
Địa chỉ: 47/118 Nguyễn Hữu T , phường T , quận T , Tp. H.
Bị đơn: Ông Đàm Tuấn H (ĐTH), sinh năm 1967
Địa chỉ: 47/118 Nguyễn Hữu T , phường T , quận T , Tp. H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Lê Thị Thuỳ L và ông Đàm Tuấn H(ĐTH).

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ vợ chồng:* bà Lê Thị Thuỳ L và ông Đàm Tuấn H(ĐTH) thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Thuỳ L và ông Đàm Tuấn H(ĐTH) (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132, quyển số 01 ngày 09/8/2004 do UBND xã T, huyện B, tỉnh V cấp) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung:* Bà Linh và ông H chung sống có 02 con chung tên Đàm Vĩnh H, sinh ngày 24/6/2008 và Đàm Tấn L, sinh ngày 01/5/2004. Hai bên thoả thuận giao 02 con chung là Đàm Vĩnh H, sinh ngày 24/6/2008 và Đàm Tấn L, sinh ngày 01/5/2004 cho bà Lê Thị Thuỳ L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đàm Tuấn H(Đám Tá Hiên) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi trẻ 1.000.000 đồng. Tổng 02 trẻ cấp dưỡng là

2.000.000 đồng/01 tháng cho hai trẻ đến khi hai trẻ đủ 18 tuổi. Thi hành khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

+ Ông H có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân (người thân thích), tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ) có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành không thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- *Về quan hệ tài sản chung:* hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung:* hai bên xác nhận không có.

- *Về án phí hôn nhân gia đình:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng do bà Lê Thị Thuỳ L tự nguyện chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Linh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011469 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T .

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận T ;
- Chi cục THADS quận T ;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh V;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Mỹ